



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 19.08.5...../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi 21 giờ 30, ngày 19 tháng 08 năm 2024.

Tại: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng**

Địa chỉ: **xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

Địa điểm quan trắc: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng

Ông (Bà): Chu Thanh Luân Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Vũ Huy Hoàng Chức vụ: NV

Ông (Bà): Phùng Văn Hoàng Chức vụ: NV

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần TC CM

Ông (Bà): Nguyễn Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Thời tiết không mưa, có gió

.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Cơ sở đang hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

TT	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT1-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	$X = 2313062,152$ $Y = 0591395,246$
2.	NT2-VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	$X = 2313075,559$ $Y = 0591448,750$
3.	NM-VY	Nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải tại kênh Kiền Bái Tây	$X = 2313096$ $Y = 0591443$

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☒ Mẫu lập. ☒ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

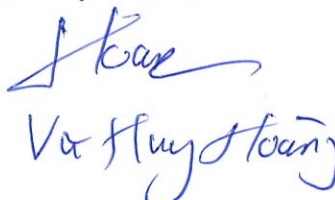
Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Chu Thanh Loan

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Vu Huy Hoang

ĐẠI DIỆN NHÀ
THÀU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Vu Trang Dai

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2036-7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240819.34
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-10/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT2-VY		
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	30,0	40	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	8,34	5,5 - 9	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	528	-	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	150	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	50	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	29	150	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	38	100	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,04)	10	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,3	40	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	6	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,34	-	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,05	-	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,002)	0,5	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,5	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	10	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	-	10
18.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	5.000	5.000

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	2313062.152	0591395.246

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ **QCVN 14:2008/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số $K=1$.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....2037 - 7007...../KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240819.35
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-10/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT3-VY		
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	31,0	40	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	8,71	5,5 - 9	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	654	-	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	150	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	50	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	32	150	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	100	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,04)	10	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,5	40	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	6	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,76	-	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,07	-	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,002)	0,5	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,5	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	10	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	-	10
18.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.100	5.000	5.000

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT3-VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	2313075.559	0591448.750

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt $K=1$.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số $K=1$

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 19.08.5...../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi 19 giờ 30', ngày 19 tháng 08 năm 2024.

Tại: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng**

Địa chỉ: **xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

Địa điểm quan trắc: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng

Ông (Bà): Chu Thanh Luân Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Vũ Huy Hoàng Chức vụ: NV

Ông (Bà): Phùng Văn Hoàng Chức vụ: NV

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty CP đầu tư CM

Ông (Bà): Le Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Trời không mưa, có gió

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Cơ sở đang hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-VY	Môi trường không khí khu vực tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng	X=2312949 Y=0531345
2.	K2-VY	Môi trường không khí khu vực thi công dự án	X=2313003 Y=0531369
3.	NT-VY	Nước thải tại hố ga cuối của hệ thống thoát nước mưa gần khu vực thi công	X=2312032 Y=053309
4.	KT-VY	Khí thải ống khói xưởng sản xuất	X=2313134 Y=0530950

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☒ Mẫu lập. ☒ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Chu Thiet Luoc

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Vu Huy Hoang

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Vu Tong Dai

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2038 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NM.240819.36
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-10/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023 /BTNMT (Mức B)
				NM-VY	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,86	6,0-8,5
2.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,6	≥ 5,0
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	70	100
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	22	6
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	43	15
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,05	0,3
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,07 ^a	0,05
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,25	-
9.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.Cl-B:2017	98	250
10.	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	<1 ^a	5,0
11.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH(MDL=0,03)	0,1
12.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.300	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM-VY	Nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải tại kênh Kiền Bái Tây	2313096	0591443

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIẢM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2034 - 7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - Xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.240819.31; KXQ.240819.32
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-10/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1-VY	K2-VY	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2012/ BTNMT	31,0	29,2	-
2.	Độ ẩm	%RH		68,0	70,0	-
3.	Tốc độ gió	m/s		1,2	1,2	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,7	69,2	70 ⁽¹⁾
5.	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	34,7	31,5	70 ⁽²⁾
6.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	68	69	300
7.	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP/NB/PT-105	<7.500 ^a	<7.500 ^a	30.000
8.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
9.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	73	72	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên/vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K1-VY	Khu vực tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng	2312949	0591345
K2-VY	Khu vực thi công xây dựng	2313003	0591369

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.+ ⁽²⁾QCVN 27:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung – Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ (khu vực thông thường)

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together.

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2035 - 7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240819.33
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-10/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
				NT-VY	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67	5,5 - 9
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	50	100
4.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,0	10
5.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.300	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-VY	Nước thải tại hồ ga cuối của hệ thống thoát nước mưa gần khu vực thi công	2312032	0595909

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

-(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2617 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu:01
Mã mẫu : KT.240819.37
Ngày lấy mẫu : 19/08/2024 Thời gian phân tích: 19/08/2024-17/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 51:2017/BTNMT C _{max} (Bảng 3 cột A1)
				KT-VY	
1.	Đồng (Cu)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<1,5 ^a	6,4
2.	Kẽm (Zn)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	19,2
3.	Niken (Ni)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	-
4.	Crom (Cr)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	-
5.	Chì (Pb)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<0,07 ^a	3,2
6.	Cadimi (Cd)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<0,07 ^a	3,2
7.	Antimon (Sb)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,07 ^a	6,4
8.	VOCs*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,01	12,8
9.	Tổng Dioxin/ Furan(*)	ng- TEQ/Nm ³	US-EPA Method 23	0,0000	0,384

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-VY	Khí thải ống khói xưởng sản xuất	2313134	0590950

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép

Bảng 3: Giá trị C làm cơ sở để tính toán nồng độ tối đa cho phép của các thông số trong khí thải của cơ sở luyện cán thép, công đoạn hoàn nguyên sắt.

Các cơ sở sản xuất thép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 áp dụng giá trị C trong cột A1 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 áp dụng giá trị C trong cột A2 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số trong khí thải công nghiệp sản xuất thép, cột A1 bảng 3 với hệ số K_q=0,8 K_v=0,8.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Khoa học Công nghệ và Năng lượng Môi trường – Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM


Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

SƠ ĐỒ LẤY MẪU



Ghi chú: Ngày lấy mẫu: 19/8/2024 Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, có gió nhẹ	Vị trí lấy mẫu: NT1:Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt NT2:Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây NM:Nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải kênh Kiền Bái Tây	K1:Không khí khu vực tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng K2:Không khí khu vực thi công dự án NT:Nước thải tại hố ga cuối của hệ thống thoát nước mưa gần khu vực thi công KT:Khí thải ống khói xưởng sản xuất
--	---	--

